

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: DU LỊCH MÃ NGÀNH: 8810101

(Ban hành kèm theo Quyết định số 145 QĐ-NTT ngày 01 tháng 10 năm 2022.  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

- Tên tiếng Anh: Tourism

- Tên tiếng Việt: Du lịch

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Bachelor 7

Định hướng đào tạo: ✓ Nghiên cứu    ✓ Ứng dụng

Khóa học áp dụng: từ khóa tuyển sinh 2022

Thời gian đào tạo: 02 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Du lịch

Đơn vị đào tạo:

- Khoa Du lịch và Việt Nam học

- Địa chỉ văn phòng: 331 Quốc lộ 1A, Phường An Phú Đông, Quận 12, TP. HCM

- Điện thoại liên lạc: 19002039 (441)

#### 2. Các tiêu chí tuyển sinh và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Theo thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và ban hành quy chế đào tạo Thạc sĩ. Người dự tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ Du lịch phải có các điều kiện sau đây:

*Về văn bằng:*

Những đối tượng tuyển sinh gồm có: Ngành đúng, còn ngành gần và ngành khác phải bổ túc kiến thức là một số môn học trong chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Tên môn học cụ thể tương ứng với những khối kiến thức này do Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa xác định và đề xuất.

*Về thâm niên công tác:*

a) Những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp, không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì được dự thi ngay.

b) Những người có Bằng tốt nghiệp đại học ngành gần và ngành khác thì phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

*Các điều kiện khác:*

c) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

d) Có đủ sức khoẻ để học;

e) Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

*Học bổ sung kiến thức*

**Nhóm 1:** Có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp: Quản trị dịch vụ du lịch lễ hành, Du lịch, Quản trị khách sạn, Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Việt Nam học – Lễ hành.

**Nhóm 2:** Có bằng tốt nghiệp ngành gần gồm: Việt Nam học, Khoa học quản lý, Quản lý văn hoá, Quản trị kinh doanh, Nhân học du lịch, Địa lý du lịch, Văn hoá học, Kinh tế du lịch.

**Nhóm 3:** Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác:

*Danh mục các học phần bổ sung kiến thức*

| TT | Tên học phần                  | Đối tượng ngành khác<br>(nhóm 3) | Đối tượng ngành gần<br>(nhóm 2) |
|----|-------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|
|    |                               | Số tín chỉ                       | Số tín chỉ                      |
| 1. | Kinh tế du lịch               | 2                                |                                 |
| 2. | Văn hóa du lịch               | 2                                | 2                               |
| 3. | Marketing du lịch             | 2                                | 2                               |
| 4. | Quản trị kinh doanh khách sạn | 2                                | 2                               |
| 5. | Quản trị kinh doanh lễ hành   | 2                                | 2                               |
|    | <b>Tổng cộng</b>              | <b>10</b>                        | <b>8</b>                        |

### 3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (viết tắt là: PLOs)

*Kiến thức*

**PLO 1:** Vận dụng kiến thức về văn hóa, xã hội, pháp luật, chính trị, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững vào việc quản lý và phát triển ngành du lịch theo đúng các định hướng chiến lược về phát triển du lịch của Việt Nam và hội nhập quốc tế.

**PLO 2:** Áp dụng các kiến thức về khoa học du lịch, khoa học quản lý và kinh doanh vào ngành du lịch bao gồm quản lý nhà nước về du lịch, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá phục vụ phát triển du lịch, tổ chức quản lý và kinh doanh lữ hành, khách sạn và các lĩnh vực kinh doanh khác trong du lịch.

**PLO 3:** Quản lý các dự án về quy hoạch và phát triển du lịch, phát triển nguồn nhân lực du lịch, truyền thông du lịch...

**PLO 4:** Áp dụng nền tảng kiến thức ngành du lịch, phương pháp luận của khoa học du lịch và các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn nói chung (liên ngành) và phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch nói riêng trong quá trình nghiên cứu các vấn đề về du lịch, lữ hành, khách sạn.

### ***Kỹ năng***

**PLO 5:** Thực hiện thành thạo các kỹ năng quản lý và triển khai các hoạt động kinh doanh du lịch, lữ hành, lưu trú và các dịch vụ liên quan tại các điểm đến du lịch, quản lý rủi ro, đáp ứng với sự thay đổi một cách linh hoạt và sáng tạo.

**PLO 6:** Sử dụng thành thạo CNTT, triển khai một cách hiệu quả chuyển đổi số trong ngành du lịch.

**PLO 7:** Vận dụng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo một cách hiệu quả trong quản lý, nghiên cứu khoa học và giảng dạy.

**PLO 8:** Giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và liên ngành, thực hiện thành thạo các kỹ năng giảng dạy và huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn, sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành để phục vụ công việc một cách hiệu quả.

### ***Năng lực tự chủ và trách nhiệm***

**PLO 9:** Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng và các phẩm chất cá nhân phù hợp với yêu cầu của ngành du lịch (quan tâm, trung thực, nghiêm túc, tôn trọng người khác và tự trọng cá nhân).

**PLO 10:** Thể hiện tinh thần cầu thị và thói quen học tập suốt đời, nghiên cứu những vấn đề mới của ngành du lịch và luôn hướng đến sự đổi mới và sáng tạo trong công việc.

## **4. Các điều kiện bảo vệ luận văn/đề án**

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10);
- Đạt trình độ ngoại ngữ do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định, tối thiểu trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương;

- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn làm luận văn đạt các yêu cầu theo quy định;
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;
- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.
- Hoàn thành việc đóng học phí và kinh phí theo quy định.

### 5. Các điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khoá học, những học viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định.
- Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của cơ sở đào tạo theo quy định
- Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

### 6. Thang điểm

Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ và thang điểm 10 cụ thể như sau:

| TT                 | Thang điểm 10 | Điểm quy đổi sang điểm chữ | Thang điểm 4 | Xếp loại   |
|--------------------|---------------|----------------------------|--------------|------------|
| a) Loại đạt:       |               |                            |              |            |
| 1.                 | 8,5 – 10,0    | A                          | 4            | Giỏi       |
| 2.                 | 7,0 – 8,4     | B                          | 3            | Khá        |
| 3.                 | 5,5 – 6,9     | C                          | 2            | Trung bình |
| b) Loại không đạt: |               |                            |              |            |
| 4.                 | Dưới 5,5      | F                          | 0            | Kém        |

## II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Một vài năm sau khi tốt nghiệp, học viên tốt nghiệp có thể:

**PEO 1:** Quản lý hay nghiên cứu ngành du lịch theo định hướng phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

**PEO 2:** Phối hợp làm việc với các thành viên khác trong tổ chức một cách hiệu quả trong vai trò người lãnh đạo, xây dựng và phát triển quan hệ với các bên liên quan một cách phù hợp trong môi trường đa ngành, đa văn hóa, luôn thể hiện tư duy phản biện, tự tin và tiên phong trong đổi mới, sáng tạo.

**PEO 3:** Thể hiện tinh thần trách nhiệm trong bảo vệ môi trường và các di sản văn hóa, luôn hướng đến việc nâng cao chất lượng sống cho cộng đồng và học tập suốt đời để đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành du lịch.

#### Sự phù hợp của mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình

| Mục tiêu đào tạo (PEO) | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) |      |      |      |      |      |      |      |      |       |
|------------------------|------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|
|                        | PLO1                         | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 |
| PEO1                   | X                            |      | X    | X    | X    |      |      |      |      |       |
| PEO2                   |                              | X    | X    | X    | X    | X    | X    | X    |      |       |
| PEO3                   |                              |      |      |      |      |      |      |      | X    | X     |

### III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

#### 1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo

Phân tích năng lực nghề nghiệp của người làm nghề gồm năng lực chung và năng lực chuyên môn;

So sánh đối chiếu đảm bảo tuân thủ với Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia và Thông tư quy định về khối lượng kiến thức của trình độ thạc sĩ (bậc 7).

Tổ chức Hội thảo DACUM để lấy ý kiến các bên liên quan về: các năng lực, công việc cần thực hiện theo từng năng lực; các kỹ năng cần có và các yêu cầu đặc biệt và tiên tiến khác của thời đại. Phân tích và tổng hợp ý kiến và xây dựng các Năng lực của Học viên tốt nghiệp.

Xây dựng Mục tiêu, Chuẩn Đầu ra của Chương trình đào tạo;

Lập ma trận tương quan giữa các yêu cầu năng lực học viên tốt nghiệp, mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình

Thiết kế cấu trúc Chương trình đào tạo, xác định các môn học cần đưa vào chương trình giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra. Đối chiếu, so sánh với các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế.

Xây dựng Đề cương chi tiết các học phần dựa trên Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, nội dung giảng dạy và lộ trình học tập để học viên đạt được các kết quả học tập mong đợi.

## 2. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực

*Theo định hướng ứng dụng (quản lý du lịch)*

| CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA HVTN           | CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE                    |              | THỜI LƯỢNG |                     |
|----------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------|------------|---------------------|
|                                              | Tên                                              | Số lượng môn | Số tín chỉ | Tỉ lệ/ tổng tín chỉ |
| NĂNG LỰC 1<br>Quản lý du lịch (vĩ mô)        | Đánh giá tài nguyên du lịch (3TC)                | 14 môn       | 44         | 44/60<br>73,33%     |
|                                              | Quy hoạch du lịch (3TC)                          |              |            |                     |
|                                              | Phát triển du lịch bền vững (3TC)                |              |            |                     |
|                                              | Di sản văn hoá trong du lịch (3TC)               |              |            |                     |
|                                              | Quản lý nhà nước về du lịch (3TC)                |              |            |                     |
|                                              | Quản trị lễ hội và sự kiện du lịch (3TC)         |              |            |                     |
|                                              | Chuyển đổi số trong ngành du lịch (4TC)          |              |            |                     |
|                                              | Marketing điểm đến du lịch (3TC)                 |              |            |                     |
|                                              | Quản trị nguồn nhân lực du lịch (4TC)            |              |            |                     |
|                                              | Chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch (3TC) |              |            |                     |
|                                              | Quản lý rủi ro trong ngành du lịch (3TC)         |              |            |                     |
|                                              | Truyền thông Marketing tích hợp (3TC)            |              |            |                     |
|                                              | Tư vấn du lịch (3TC)                             |              |            |                     |
|                                              | Kinh tế phát triển (3TC)                         |              |            |                     |
| NĂNG LỰC 2<br>Quản trị chiến lược phát triển | Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (3TC) | 4 môn        | 12TC       | 12/60<br>20%        |
|                                              | Chiến lược phát triển doanh nghiệp du            |              |            |                     |

|                                                        |                                                  |       |      |                 |
|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------|------|-----------------|
| doanh nghiệp du lịch                                   | lịch (3TC)                                       |       |      |                 |
|                                                        | Quản lý khách sạn hiện đại (3TC)                 |       |      |                 |
|                                                        | Văn hoá quản lý và kinh doanh du lịch (3TC)      |       |      |                 |
| NĂNG LỰC 3<br>Quản trị doanh nghiệp du lịch            | Chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch (3TC) | 4 môn | 12TC | 12/60<br>20%    |
|                                                        | Quản lý khách sạn hiện đại (3TC)                 |       |      |                 |
|                                                        | Văn hoá quản lý và kinh doanh du lịch (3TC)      |       |      |                 |
|                                                        | Quản lý lữ hành (3TC)                            |       |      |                 |
| NĂNG LỰC 4<br>Quản lý nhân sự                          | Quản trị nguồn nhân lực du lịch (4TC)            | 2 môn | 6TC  | 6/60<br>10%     |
|                                                        | Chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch (3TC) |       |      |                 |
| NĂNG LỰC 5<br>Marketing                                | Marketing điểm đến du lịch (3TC)                 | 1 môn | 3TC  | 3/60<br>5%      |
| NĂNG LỰC 6<br>Truyền thông du lịch                     | Truyền thông Marketing tích hợp (3TC)            | 1 môn | 3TC  | 3/60<br>5%      |
| NĂNG LỰC 7<br>Chuyển đổi số trong du lịch              | Chuyển đổi số trong ngành du lịch (4TC)          | 1 môn | 4TC  | 4/60<br>7%      |
| NĂNG LỰC 8<br>Năng lực cá nhân của nhà quản lý du lịch | Tiếng Anh (3TC)                                  | 8 môn | 38TC | 38/60<br>63,33% |
|                                                        | Triết học (3TC)                                  |       |      |                 |
|                                                        | Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch (4TC)    |       |      |                 |
|                                                        | Thiết kế nghiên cứu khoa học du lịch (2TC)       |       |      |                 |
|                                                        | Chuyên đề nghiên cứu 1 (4TC)                     |       |      |                 |
|                                                        | Chuyên đề nghiên cứu 2 (4TC)                     |       |      |                 |
|                                                        | Thực tập (9TC)                                   |       |      |                 |

|                                                        |                                                     |       |     |            |
|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------|-----|------------|
|                                                        | Đồ án tốt nghiệp (9TC)                              |       |     |            |
| NĂNG LỰC 9<br>Chất lượng của<br>nhà quản lý du<br>lịch | Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh<br>nghiệp (3TC) | 1 môn | 3TC | 3/60<br>5% |

Theo định hướng nghiên cứu

| CÁC NĂNG<br>LỰC NGHỀ<br>CHỦ YẾU<br>CỦA HVTN | CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE                    |                    | THỜI LƯỢNG    |                           |
|---------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------|---------------|---------------------------|
|                                             | Tên                                              | Số<br>lượng<br>môn | Số tín<br>chỉ | Tỉ lệ/<br>tổng tín<br>chỉ |
| 1.NĂNG LỰC<br>Kiến thức                     | Đánh giá tài nguyên du lịch (3TC)                | 16 môn             | 50            | 50/60<br>83,33%           |
|                                             | Quy hoạch du lịch (3TC)                          |                    |               |                           |
|                                             | Phát triển du lịch bền vững (3TC)                |                    |               |                           |
|                                             | Di sản văn hoá trong du lịch (3TC)               |                    |               |                           |
|                                             | Quản lý nhà nước về du lịch (3TC)                |                    |               |                           |
|                                             | Quản trị lễ hội và sự kiện du lịch (3TC)         |                    |               |                           |
|                                             | Chuyển đổi số trong ngành du lịch (4TC)          |                    |               |                           |
|                                             | Marketing điểm đến du lịch (3TC)                 |                    |               |                           |
|                                             | Quản trị nguồn nhân lực du lịch (4TC)            |                    |               |                           |
|                                             | Chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch (3TC) |                    |               |                           |
|                                             | Quản lý rủi ro trong ngành du lịch (3TC)         |                    |               |                           |
|                                             | Truyền thông Marketing tích hợp (3TC)            |                    |               |                           |
|                                             | Tư vấn du lịch (3TC)                             |                    |               |                           |
|                                             | Kinh tế phát triển (3TC)                         |                    |               |                           |
|                                             | Quản lý khách sạn hiện đại (3TC)                 |                    |               |                           |
|                                             | Quản lý lữ hành (3TC)                            |                    |               |                           |
| B. Năng lực<br>Nghiên cứu                   | Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch (4TC)    | 4môn               | 14            | 14/60<br>23,33%           |

|                                                                |                                                  |       |      |                 |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------|------|-----------------|
| khoa học                                                       | Thiết kế nghiên cứu khoa học du lịch (2TC)       |       |      |                 |
|                                                                | Chuyên đề nghiên cứu 1 (4TC)                     |       |      |                 |
|                                                                | Chuyên đề nghiên cứu 2 (4TC)                     |       |      |                 |
| C. Năng lực tư duy và vận dụng phương pháp và phương pháp luận | Triết học (3TC)                                  | 4 môn | 26   | 26/60<br>43,33% |
|                                                                | Chuyên đề nghiên cứu 1 (4TC)                     |       |      |                 |
|                                                                | Chuyên đề nghiên cứu 2 (4TC)                     |       |      |                 |
|                                                                | Luận văn thạc sĩ (15TC)                          |       |      |                 |
| D.NĂNG LỰC<br>Năng lực cá nhân của nhà quản lý du lịch         | Tiếng Anh (3TC)                                  | 6 môn | 20TC | 20/60<br>33,33% |
|                                                                | Triết học (3TC)                                  |       |      |                 |
|                                                                | Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch (4TC)    |       |      |                 |
|                                                                | Thiết kế nghiên cứu khoa học du lịch (2TC)       |       |      |                 |
|                                                                | Chuyên đề nghiên cứu 1 (4TC)                     |       |      |                 |
|                                                                | Chuyên đề nghiên cứu 2 (4TC)                     |       |      |                 |
| E.NĂNG LỰC<br>Phẩm chất của nhà quản lý du lịch                | Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (3TC) | 1 môn | 3TC  | 3/60<br>5%      |

### 3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ

#### Hướng nghiên cứu

| Kiến thức                                                                                           | Tổng số tín chỉ | Tỷ lệ (%) |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|
| Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản                                                                 | 6               | 10%       |
| Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành                                                                    | 30              | 50%       |
| Nghiên cứu khoa học<br>- Luận văn (15 tín chỉ)<br>- Dự án, đồ án, chuyên đề nghiên cứu khác (12- 15 | 24              | 30%       |

|                         |   |   |
|-------------------------|---|---|
| tín chỉ)                |   |   |
| Kiến thức khác (nếu có) | 0 | 0 |

#### Hướng ứng dụng

| Kiến thức                           | Tổng số tín chỉ | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------------------|-----------------|-----------|
| Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản | 6               | 10%       |
| Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành    | 36              | 60%       |
| Thực tập                            | 9               | 15%       |
| Đề án                               | 9               | 15%       |
| Kiến thức khác (nếu có)             | 0               | 0         |

#### 4. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Du lịch

| Mã số học phần                        | Tên học phần                               | Khối lượng (tín chỉ) |    |            |
|---------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------|----|------------|
|                                       |                                            | Tổng số              | LT | TH, TN, TL |
| Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản   |                                            | 6                    | 5  | 1          |
| 073318                                | Triết học                                  | 3                    | 3  | 0          |
| 075561                                | Tiếng Anh                                  | 3                    | 2  | 1          |
| Phần kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành |                                            | 18                   | 12 | 7          |
| Các học phần bắt buộc                 |                                            |                      |    |            |
| 075562                                | Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch    | 4                    | 2  | 2          |
| 075563                                | Quản lý nhà nước về du lịch                | 3                    | 2  | 1          |
| 075564                                | Chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch | 3                    | 2  | 1          |
| 075565                                | Văn hóa quản lý và kinh doanh du lịch      | 3                    | 2  | 1          |
| 075566                                | Phát triển du lịch bền vững                | 3                    | 2  | 1          |
| 075583                                | Chuyển đổi số trong ngành du lịch          | 4                    | 3  | 1          |
| Các học phần lựa chọn                 |                                            |                      |    |            |
| 075567                                | Quản trị nguồn nhân lực du lịch            | 4                    | 3  | 1          |
| 075576                                | Quy hoạch du lịch                          | 3                    | 2  | 1          |

|                                              |                                               |    |   |    |
|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|----|---|----|
| 075573                                       | Đánh giá tài nguyên du lịch                   | 3  | 2 | 1  |
| 075577                                       | Tư vấn du lịch                                | 3  | 2 | 1  |
| 075568                                       | Kinh tế phát triển                            | 3  | 2 | 1  |
| 075580                                       | Quản lý rủi ro trong ngành du lịch            | 3  | 2 | 1  |
| 075581                                       | Thiết kế nghiên cứu khoa học du lịch          | 1  | 1 | 1  |
| 075570                                       | Quản lý khách sạn hiện đại                    | 3  | 2 | 1  |
| 075572                                       | Di sản văn hoá trong du lịch                  | 3  | 2 | 1  |
| 075571                                       | Quản trị lễ hội và sự kiện du lịch            | 3  | 2 | 1  |
| 075569                                       | Quản lý lữ hành                               | 4  | 3 | 1  |
| 075574                                       | Marketing điểm đến du lịch                    | 3  | 2 | 1  |
| 075575                                       | Truyền thông Marketing tích hợp               | 3  | 2 | 1  |
| 075584                                       | Thiết kế module và tập huấn nghiệp vụ du lịch | 3  | 2 | 1  |
| 075578                                       | Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp    | 3  | 2 | 1  |
| <b>Định hướng Nghiên cứu du lịch</b>         |                                               |    |   |    |
| 075582                                       | Chuyên đề nghiên cứu 1                        | 4  | 0 | 4  |
| 075585                                       | Chuyên đề nghiên cứu 2                        | 5  | 0 | 5  |
| 075579                                       | Luận văn thạc sĩ                              | 15 | 0 | 15 |
| <b>Định hướng Ứng dụng (Quản lý du lịch)</b> |                                               |    |   |    |
| 075586                                       | Thực tập                                      | 9  | 0 | 9  |
| 075587                                       | Đồ án tốt nghiệp                              | 9  | 0 | 9  |
| <b>Tổng cộng:</b>                            |                                               | 60 |   |    |

#### 5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến

| TT                 | MÃ SỐ | TÊN HỌC PHẦN | Tín<br>chỉ | Số tiết |    |           | Phương<br>pháp<br>giảng<br>dạy | Phương<br>pháp<br>kiểm<br>tra<br>đánh<br>giá |
|--------------------|-------|--------------|------------|---------|----|-----------|--------------------------------|----------------------------------------------|
|                    |       |              |            | LT      | TH | Tự<br>học |                                |                                              |
| HỌC KỲ 1           |       |              | 16         |         |    |           |                                |                                              |
| Kiến thức bắt buộc |       |              | 16         |         |    |           |                                |                                              |

| TT                        | MÃ SỐ  | TÊN HỌC PHẦN                                  | Tín<br>chỉ | Số tiết |    |           | Phương<br>pháp<br>giảng<br>dạy | Phương<br>pháp<br>kiểm<br>tra<br>đánh<br>giá |
|---------------------------|--------|-----------------------------------------------|------------|---------|----|-----------|--------------------------------|----------------------------------------------|
|                           |        |                                               |            | LT      | TH | Tự<br>học |                                |                                              |
| 1                         | 073318 | Triết học                                     | 3          | 45      | 0  | 105       | LT                             | TL                                           |
| 2                         | 075561 | Tiếng Anh                                     | 3          | 30      | 30 | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 3                         | 075562 | Phương pháp nghiên cứu<br>khoa học du lịch    | 4          | 30      | 60 | 210       | LT-TH                          | TL                                           |
| 4                         | 075563 | Quản lý nhà nước về du<br>lịch                | 3          | 30      | 30 | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 5                         | 075564 | Chiến lược phát triển<br>doanh nghiệp du lịch | 3          | 30      | 30 | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| <b>HỌC KỲ 2</b>           |        |                                               | 16         |         |    |           |                                |                                              |
| <b>Kiến thức bắt buộc</b> |        |                                               | 6          |         |    |           |                                |                                              |
| 1                         | 075565 | Văn hoá quản lý và kinh<br>doanh du lịch      | 3          | 30      | 30 | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 2                         | 075566 | Phát triển du lịch bền<br>vững                | 3          | 30      | 30 | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| <b>Kiến thức tự chọn</b>  |        |                                               | 10         |         |    |           |                                |                                              |
| 1                         | 075567 | Quản trị nguồn nhân lực<br>du lịch            | 4          | 45      | 30 | 125       | LT-TH                          | TL                                           |
| 2                         | 075576 | Quy hoạch du lịch                             | 3          | 30      | 30 | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 3                         | 075573 | Đánh giá tài nguyên du<br>lịch                | 3          | 30      | 30 | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 4                         | 075577 | Tư vấn du lịch                                | 3          | 30      | 30 | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 5                         | 075568 | Kinh tế phát triển                            | 3          | 30      | 30 | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 6                         | 075580 | Quản lý rủi ro trong<br>ngành du lịch         | 3          | 30      | 30 | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 7                         | 075581 | Thiết kế nghiên cứu khoa<br>học du lịch       | 2          | 15      | 30 | 55        | LT-TH                          | TL                                           |

| TT                                | MÃ SỐ  | TÊN HỌC PHẦN                                  | Tín<br>chỉ | Số tiết |     |           | Phương<br>pháp<br>giảng<br>dạy | Phương<br>pháp<br>kiểm<br>tra<br>đánh<br>giá |
|-----------------------------------|--------|-----------------------------------------------|------------|---------|-----|-----------|--------------------------------|----------------------------------------------|
|                                   |        |                                               |            | LT      | TH  | Tự<br>học |                                |                                              |
| 8                                 | 075582 | Chuyên đề nghiên cứu 1                        | 4          | 0       | 120 | 80        | TH                             | BC                                           |
| HỌC KỲ 3                          |        |                                               | 10-13      |         |     |           |                                |                                              |
| Định hướng nghiên cứu: 13 tín chỉ |        |                                               |            |         |     |           |                                |                                              |
| Định hướng ứng dụng: 10 tín chỉ   |        |                                               |            |         |     |           |                                |                                              |
| Kiến thức bắt buộc                |        |                                               | 4          |         |     |           |                                |                                              |
| 1                                 | 075583 | Chuyển đổi số trong ngành du lịch             | 4          | 45      | 30  | 125       | LT-TH                          | TL                                           |
| Kiến thức tự chọn                 |        |                                               | 6/9        |         |     |           |                                |                                              |
| 1                                 | 075570 | Quản lý khách sạn hiện đại                    | 3          | 30      | 30  | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 2                                 | 075572 | Di sản văn hoá trong du lịch                  | 3          | 30      | 30  | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 3                                 | 075571 | Quản trị lễ hội và sự kiện du lịch            | 3          | 30      | 30  | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 4                                 | 075569 | Quản lý lữ hành                               | 4          | 45      | 30  | 125       | LT-TH                          | TL                                           |
| 5                                 | 075574 | Marketing điểm đến du lịch                    | 3          | 30      | 30  | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 6                                 | 075575 | Truyền thông Marketing tích hợp               | 3          | 30      | 30  | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 7                                 | 075584 | Thiết kế module và tập huấn nghiệp vụ du lịch | 3          | 30      | 30  | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 8                                 | 075578 | Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp    | 3          | 30      | 30  | 90        | LT-TH                          | TL                                           |
| 9                                 | 075585 | Chuyên đề nghiên cứu 2                        | 5          | 0       | 150 | 100       | LT-TH                          | BC                                           |
| HỌC KỲ 4 (Chọn theo định hướng)   |        |                                               |            |         |     |           |                                |                                              |
| 1                                 | 075579 | Luận văn thạc sĩ                              | 15         | 0       | 450 | 300       | TH                             | LV                                           |

| TT | MÃ SỐ  | TÊN HỌC PHẦN     | Tín<br>chỉ | Số tiết |     |           | Phương<br>pháp<br>giảng<br>dạy | Phương<br>pháp<br>kiểm<br>tra<br>đánh<br>giá |
|----|--------|------------------|------------|---------|-----|-----------|--------------------------------|----------------------------------------------|
|    |        |                  |            | LT      | TH  | Tự<br>học |                                |                                              |
| 2  | 075586 | Thực tập         | 9          | 0       | 270 | 180       | TH                             | BC                                           |
| 3  | 075587 | Đồ án tốt nghiệp | 9          | 0       | 270 | 180       | TH                             | ĐA                                           |

## 6. Sự đóng góp của các học phần cho Chuẩn đầu ra chương trình

(Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra chương trình theo thang IPM)

**I (Introduce):** Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs (Programme Performance Criteria) ở mức độ đơn giản.

**P (Practice):** Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs ở mức độ trung bình.

**M (Master):** Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs ở mức độ thành thạo.

| TT | Mã môn học | Tên môn học                     | Kiến thức tổng quát | Kiến thức chuyên môn |       |       | Kỹ năng chuyên môn |       |       | Kỹ năng tổng quát |       |        | Thái độ |   |
|----|------------|---------------------------------|---------------------|----------------------|-------|-------|--------------------|-------|-------|-------------------|-------|--------|---------|---|
|    |            |                                 |                     | PLO 2                | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5              | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8             | PLO 9 | PLO 10 |         |   |
| 1. | 073318     | Triết học                       | I                   |                      |       |       |                    |       | I     |                   | I     |        |         |   |
| 2. | 075561     | Tiếng Anh                       | I                   |                      |       |       |                    |       |       | I                 |       |        |         | I |
| 3. | 075562     | Phương pháp NCKH du lịch        |                     |                      |       | I     |                    | I     | I     |                   |       |        |         | I |
| 4. | 075563     | Quản lý nhà nước về du lịch     |                     | I                    | I     |       |                    |       | I     |                   |       | I      |         |   |
| 5. | 075564     | Chiến lược phát triển DNDL      | I                   |                      |       |       | I                  |       | I     |                   | I     |        |         |   |
| 6. | 075565     | Văn hoá quản lý và KDCL         |                     | P                    |       |       | P                  |       |       | P                 |       |        |         | P |
| 7. | 075566     | Phát triển du lịch bền vững     | P                   |                      |       | P     |                    |       |       | P                 |       |        | P       |   |
| 8. | 075567     | Quản trị nguồn nhân lực du lịch |                     |                      | P     |       |                    |       |       |                   |       | P      | P       |   |



## **7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần (mỗi môn tóm tắt 100 – 200 từ)**

### **Triết học: 3 tín chỉ (3,0)**

Học phần trang bị Khái luận về triết học; Bản thể luận; Phép biện chứng; Nhận thức luận; Học thuyết hình thái kinh tế - Xã hội; Triết học chính trị; Ý Thức xã hội; Triết học về con người.

Học phần giảng dạy tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội, nhân văn; Nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Học phần giúp hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học.

Học phần giúp hình thành tính chủ động tích cực tham gia vào thảo luận, có tư duy sáng tạo và khả năng nghiên cứu độc lập.

### **Anh văn: 3 tín chỉ (3,0)**

Học phần nhằm giúp cho học viên biết, hiểu và ứng dụng được các thuật ngữ tiếng Anh thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong ngành du lịch cùng với những cấu trúc ngữ pháp phức tạp để sử dụng giao tiếp với khách nước ngoài trong những tình huống thuộc các lĩnh vực của ngành du lịch. Học phần cũng rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện nhiệm vụ của một người quản lý, một nhân viên du lịch, một nhân viên hàng không, một hướng dẫn viên, một người tổ chức, điều hành tour v.v... Đồng thời, học phần cũng nhằm chuẩn bị cho những người sắp bước vào nghề du lịch một ý thức đúng về du lịch và trách nhiệm để phát triển du lịch bền vững.

### **Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch: 4 tín chỉ (2,2)**

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về môn phương pháp nghiên cứu khoa học, biết phân biệt phương pháp định lượng hay định tính; hiểu được vai trò, chức năng, bản chất và các bước tiến hành của hoạt động nghiên cứu du lịch, từ đó hướng dẫn học viên tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu cơ bản như thu thập và phân tích tài liệu, điều tra xã hội học và các phương pháp toán học khác. Qua môn học này giúp người học nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học: chuẩn bị trước khi nghiên cứu (chọn đề tài, đối tượng, địa bàn, thời gian); Giai đoạn thu thập thông tin: chọn mẫu và vận dụng những công cụ đo lường, xây dựng thang đo, thiết kế bảng hỏi, và sử dụng phương pháp thu thập thông

tin: quan sát, phỏng vấn, nghiên cứu tài liệu và giai đoạn xử lý thông tin, phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu.

Học phần giảng dạy các kiến thức cơ bản về hoạt động, các phương pháp cơ bản trong hoạt động nghiên cứu du lịch trên cơ sở hiểu được vai trò, chức năng, bản chất và các bước tiến hành của hoạt động nghiên cứu du lịch.

Học phần rèn luyện các kỹ năng, vận dụng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo một cách hiệu quả trong quản lý và nghiên cứu khoa học du lịch.

Học phần giúp hình thành đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh, phát triển doanh nghiệp.

### **Quản lý nhà nước về du lịch: 3 tín chỉ (3,0)**

Học phần trang bị cho người học hệ thống hoá một cách khái quát những khái niệm và vấn đề lý luận liên quan đến quản lý nhà nước về ngành và lãnh thổ, nhấn mạnh quản lý nhà nước về kinh tế và về văn hoá (là hai lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quản lý nhà nước về du lịch); giới thiệu cho người học những khái niệm liên quan về quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch; đặc điểm quản lý nhà nước về du lịch; nội dung của quản lý nhà nước về du lịch; bộ máy và phân cấp quản lý nhà nước về du lịch; những yêu cầu, nguyên tắc trong quản lý nhà nước về du lịch; và đổi mới quản lý nhà nước về du lịch trong giai đoạn tới. Qua môn học này giúp người học có kỹ năng tư vấn hoặc trực tiếp triển khai những nhiệm vụ cơ bản của công tác quản lý nhà nước về du lịch ở cấp trung ương hoặc ở cấp địa phương tại Việt Nam.

Học phần giảng dạy các kiến thức Quản lý nhà nước về du lịch, nội dung khái quát những khái niệm và vấn đề lý luận liên quan đến quản lý nhà nước về ngành và lãnh thổ, nhấn mạnh quản lý nhà nước về du lịch.

Học phần rèn luyện các kỹ năng quản lý nhà nước và triển khai các hoạt động kinh doanh du lịch, lữ hành, khách sạn tại các điểm đến du lịch.

Học phần giúp hình thành đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh, phát triển, quản lý nhà nước về du lịch.

### **Chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch (3,0)**

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh du lịch; những vấn đề pháp lý về các doanh nghiệp du lịch trong cơ chế thị trường hiện nay và trong việc thành lập doanh nghiệp du lịch; những vấn đề căn bản về xây dựng và quản trị chiến lược phát triển của một doanh nghiệp du lịch. Qua môn học này giúp người học có kỹ năng

xây dựng và quản trị chiến lược kinh doanh của một doanh nghiệp du lịch trong thời kỳ hội nhập.

Học phần giảng dạy các kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh du lịch; những vấn đề pháp lý về các doanh nghiệp du lịch trong cơ chế thị trường hiện nay và trong việc thành lập doanh nghiệp du lịch; những vấn đề căn bản về xây dựng và quản trị chiến lược phát triển của một doanh nghiệp du lịch.

Học phần rèn luyện các kỹ năng quản lý và triển khai các hoạt động kinh doanh du lịch, lễ hành, quản lý rủi ro, đáp ứng cho việc quản trị, phát triển doanh nghiệp du lịch.

Học phần giúp hình thành Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh, phát triển doanh nghiệp.

### **Văn hóa quản lý và kinh doanh du lịch (3,0)**

Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực văn hoá truyền thống và hiện đại, vai trò của các lĩnh vực văn hoá đó đối với việc hình thành nên văn hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch. Những nội dung văn hoá trong các lĩnh vực quản lý và kinh doanh du lịch. Khả năng nhận biết và đánh giá được chất lượng văn hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch. Qua môn học này giúp người học có kỹ năng vận dụng các kiến thức về văn hoá để tạo ra văn hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch; Kỹ năng đánh giá chất lượng văn hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch; kỹ năng xây dựng được môi trường văn hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch.

Học phần giảng dạy những kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực văn hoá truyền thống và hiện đại, vai trò của các lĩnh vực văn hoá đó đối với việc hình thành nên văn hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch.

Học phần rèn luyện các kỹ năng xây dựng các kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo một cách hiệu quả trong quản lý và kinh doanh du lịch.

Học phần giúp hình thành giữ gìn đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh, phát triển doanh nghiệp. Thể hiện tinh thần cầu thị và thói quen học tập suốt đời, luôn hướng đến sự đổi mới và sáng tạo trong công việc.

### **Phát triển du lịch bền vững (3,0)**

Trang bị cho học viên khối kiến thức cơ bản về du lịch bền vững (bền vững về xã hội, về kinh tế và về môi trường), và một số loại hình đặc biệt của nó là hoạt động du lịch sinh thái, Zentourim, lễ hành du khảo. Cung cấp khái niệm và phương pháp tính sức chứa du lịch, phương pháp gia tăng tính hấp dẫn của điểm du lịch, các phương pháp định tính và

định lượng trong đánh giá hoạt động DL và quản trị DL theo hướng bền vững; tái điều chỉnh theo hướng bền vững các loại hình DL giàu tiềm năng ở Việt Nam.

Học phần giảng dạy các kiến thức cơ bản về Du lịch bền vững (DLBV): Cơ sở lý luận và 3 nội dung của DLBV (bền vững về kinh tế, về xã hội và về môi trường); Phân tích, vận dụng được các nội dung và cách thức tiến hành một số loại hình DLBV đặc thù như du lịch sinh thái, Zentourism, lữ hành du khảo; vai trò và yêu cầu của lập quy hoạch DLBV cấp Quốc gia, cấp vùng và cấp địa phương.

Học phần rèn luyện các kỹ năng áp dụng các phương pháp quan trắc, đánh giá bằng chỉ số định lượng hoặc lượng hóa DLBV, phương pháp giám sát và đánh giá quy hoạch DLBV, các phương pháp nâng cao tính hấp dẫn du lịch, các phương pháp đánh giá hiện trạng du lịch trên quan điểm bền vững. Học phần góp phần hình thành nên kiến thức, phẩm chất, đạo đức của người làm du lịch.

### **Quản trị nguồn nhân lực du lịch (3,1)**

Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về quản trị nhân lực du lịch, bao gồm kiến thức về nhân lực, vai trò, đặc điểm, khái niệm về quản trị nhân lực du lịch. Các nội dung cơ bản về quản trị nhân lực: phân tích công việc, hoạch định và bố trí nhân lực; phương pháp xây dựng định mức, tổ chức lao động, tuyển dụng và đào tạo. Phương pháp đánh giá và đãi ngộ lao động, xây dựng các mối quan hệ lao động trong doanh nghiệp du lịch.

Học phần giảng dạy các kiến thức cơ bản về đặc điểm, vai trò nguồn nhân lực và quản trị nhân lực. Phân tích, vận dụng được các nội dung của quản trị nhân lực du lịch như: phân tích công việc, hoạch định, tuyển dụng nhân lực; tổ chức lao động định mức; đào tạo phát triển, đánh giá và đãi ngộ nhân lực. Vận dụng được các tiêu chí đánh giá, đãi ngộ nhân lực nhằm tổng hợp, đánh giá các mối quan hệ lao động trong một tổ chức nói chung và trong doanh nghiệp du lịch nói riêng.

Học phần rèn luyện kỹ năng áp dụng các phương pháp hoạch định nhu cầu nhân lực; phương pháp xây dựng định mức lao động; đánh giá quy trình tuyển dụng, sắp xếp bố trí lao động trong doanh nghiệp; phương pháp đánh giá, đào tạo, phát triển và đãi ngộ nhân lực trong công tác quản trị nhân lực tại các doanh nghiệp du lịch.

Học phần hình thành tính chủ động, khả năng giao tiếp, tổ chức làm việc nhóm khoa học và sáng tạo; có trách nhiệm trong công việc được giao; Linh hoạt trong sắp xếp và xử lý công việc, tăng hiệu quả sử dụng lao động cho doanh nghiệp.

### **Quản lý khách sạn hiện đại (3,0)**

Học phần trang bị người học sơ lược về lịch sử của ngành khách sạn và nhà hàng, những mô hình, loại hình kinh doanh KS-NH trên thế giới, những nguyên tắc cơ bản trong quản lý khách sạn và nhà hàng, các vấn đề xây dựng và tổ chức thiết kế giá, thực đơn trong kinh doanh khách sạn và nhà hàng, các kỹ năng lãnh đạo và các kỹ năng đàm phán giao tiếp cũng như việc quản lý vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn vận hành trong KS-NH. Sau phần lý thuyết học viên sẽ đi tham quan tìm hiểu thực tế để bổ sung cho công tác nghiên cứu.

Học phần giảng dạy những kiến thức cơ bản để nghiên cứu và hoạch định chiến lược, chính sách và quản lý ngành khách sạn và nhà hàng trong đời sống xã hội nói chung và trong ngành du lịch nói riêng.

Học phần rèn luyện cho học viên những kỹ năng cơ bản về phương pháp quản lý, kỹ thuật marketing khách sạn, kỹ năng lãnh đạo, đàm phán và giao tiếp phục vụ trong lĩnh vực khách sạn-nhà hàng... Học phần góp phần hình thành nên kiến thức, phẩm chất, đạo đức của người làm du lịch.

### **Kinh tế phát triển (3,0)**

Học phần trang bị các nguồn lực và các chính sách huy động nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển và nghiên cứu tác động của các ngành kinh tế đối với quá trình tăng trưởng kinh tế. Như vậy, học phần sẽ cung cấp cho người học, các nhà kinh tế tương lai, các nhà hoạch định chính sách tương lai những kiến thức sâu hơn về các công cụ chính sách và giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế tại các nước đang phát triển.

Học phần giảng dạy công cụ lý thuyết của kinh tế học, nhất là kinh tế học tân cổ điển và kinh tế học hiện đại để tìm hiểu, lý giải, phân tích các vấn đề thực tiễn đã và đang diễn ra. Học phần này cũng có mối liên hệ mật thiết với các môn học kinh tế ngành khác như: kinh tế quốc tế, kinh tế công cộng, kinh tế môi trường, kinh tế nguồn nhân lực, tài chính công. Chính sách huy động các nguồn lực cho quá trình phát triển kinh tế; phân tích, so sánh, đánh giá được các chính sách; có khả năng lựa chọn và kết hợp được các chính sách hiệu quả. Người học kể ra được các vấn đề tăng trưởng và phát triển, phân tích được vấn đề và giải quyết được vấn đề đơn giản về lĩnh vực phát triển kinh tế. Người học thể hiện được các ngành trong nền kinh tế quốc dân, biết xây dựng và kết hợp giữa các chính sách nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển của các ngành. Người học có thể vận dụng lý thuyết vào giải quyết một số vấn đề thực tế trong phát triển kinh tế tại Việt Nam hay địa phương.

Học phần rèn luyện kỹ năng lựa chọn, viết lại và sắp xếp các thông tin về các vấn đề tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn kinh tế - xã hội tại Việt Nam. Người học được hoàn thiện kỹ năng phát hiện vấn đề, dự đoán chiều hướng phát triển và đề xuất được các giải pháp khả thi.

Học phần hình thành động cơ học tập và nghiên cứu các vấn đề về tăng trưởng và phát triển kinh tế cho người học. Xây dựng và phát triển tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cho người học, giúp người học chủ động với công việc. Tạo cho người học nhận thức được về vị trí và khả năng của đất nước, cũng như khơi dậy truyền thống yêu nước, từ đó giúp người học tạo dựng và phát triển ý trí làm giàu cho bản thân và cho xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước.

### **Di sản văn hóa trong du lịch (3,0)**

Học phần trang bị cho người học các vấn đề lý luận về di sản văn hóa, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể ở Việt Nam, di sản văn hóa và quy hoạch du lịch, quy trình xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa, việc khai thác và quản lý, bảo tồn các di sản văn hóa của thế giới và Việt Nam trong kinh doanh du lịch.

Học phần giảng dạy những kiến thức chuyên sâu về di sản văn hoá như các vấn đề về lý luận, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của thế giới và ở Việt Nam, việc khai thác các di sản văn hóa trong kinh doanh du lịch. Nâng cao ý thức trách nhiệm của học viên trong việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc.

Học phần rèn luyện kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào việc xây dựng sản phẩm du lịch, thiết kế các chương trình du lịch văn hoá, áp dụng trong thực hiện các công tác tổ chức, quản lý và khai thác các sản phẩm du lịch văn hoá.

Học phần giúp hình thành đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khai thác, bảo tồn di sản văn hóa trong hoạt động du lịch. Thể hiện tinh thần cầu thị và thói quen học tập suốt đời, luôn hướng đến sự đổi mới và sáng tạo trong công việc.

### **Quản trị lễ hội và sự kiện trong du lịch (3,0)**

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản các loại hình lễ hội truyền thống và sự kiện du lịch diễn ra thường kỳ ở nước ta, từ đó hiểu được và có thể ứng dụng việc tổ chức lễ hội và sự kiện góp phần vào việc xây dựng thương hiệu du lịch, dùng văn hóa xây dựng thành sản phẩm du lịch đặc thù cho các địa phương. Phát triển hiệu quả tài nguyên văn hóa trong chiến lược du lịch tại các địa phương. Học phần cũng nhằm cung cấp

cho người học hiểu biết về cơ sở lý thuyết và thực tiễn trong công tác quản trị lễ hội và sự kiện du lịch.

Học phần giảng dạy nội dung và vai trò của lễ hội và sự kiện trong khai thác và phát triển du lịch. Trình bày được khái niệm cơ bản, phân loại và nội dung của lễ hội và sự kiện du lịch. Nắm được quy trình cơ bản của quản trị lễ hội và sự kiện du lịch. Phân biệt được với những quy trình quản trị sự kiện khác.

Học phần giúp rèn luyện các kỹ năng điều hành, thực hiện các công việc quản trị lễ hội và sự kiện trong doanh nghiệp lữ hành; thông qua: Kỹ năng phân tích môi trường kịch bản kinh doanh; Kỹ năng xây dựng chiến lược và kế hoạch tổ chức kinh doanh; Kỹ năng phối hợp hoạt động nhóm và ra quyết định trong dàn dựng chương trình một doanh nghiệp lữ hành; Kỹ năng phân tích, đánh giá và tổng kết kinh nghiệm tổ chức chương trình kiến nghị những thay đổi kế hoạch kinh doanh của công ty.

Học phần hình thành nên phẩm chất của người làm du lịch, giảng dạy, nghiên cứu, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

### **Quản lý lữ hành (3,0)**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về kinh doanh lữ hành và các vấn đề quản lý vĩ mô trong hoạt động kinh doanh lữ hành; các vấn đề trọng tâm trong việc khởi sự doanh nghiệp lữ hành. Đồng thời học phần cung cấp cho người học những kiến thức về kinh doanh lữ hành trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế cũng như các mô hình kinh doanh lữ hành tiên tiến trên thế giới.

Học phần giảng dạy các nội dung của quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh lữ hành; khả năng phân tích bối cảnh và triển khai việc tổ chức đưa doanh nghiệp lữ hành vào hoạt động; Hiểu rõ và có khả năng phân tích các tác động của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đến hoạt động kinh doanh lữ hành, các xu hướng thị trường trong hoạt động kinh doanh lữ hành; hiểu và phân tích được cách thức tổ chức hoạt động của một số hãng lữ hành lớn trên thế giới cũng như có khả năng vận dụng vào thực tiễn kinh doanh lữ hành tại Việt Nam.

Học phần rèn luyện các kỹ năng điều hành, thực hiện các công việc quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp lữ hành; Kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh; Kỹ năng xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh; Kỹ năng phối hợp hoạt động nhóm và ra quyết định trong một doanh nghiệp lữ hành; Kỹ năng phân tích, đánh giá và kiến nghị những thay đổi kế hoạch kinh doanh của công ty.

Học phần hình thành nên phẩm chất của người làm du lịch, giảng dạy, nghiên cứu, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

### **Đánh giá tài nguyên du lịch (3,0)**

Học phần trang bị những cơ sở lý luận về tài nguyên du lịch như: Khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò của tài nguyên du lịch. Chương hai trình bày cơ sở lý luận về đánh giá tài nguyên du lịch: khái niệm, các kiểu đánh giá, tình hình nghiên cứu, đánh giá tài nguyên du lịch trên thế giới và Việt Nam. Chương ba giới thiệu các nội dung, các tiêu chí cần thiết khi tiến hành đánh giá các loại tài nguyên khác nhau cho các loại hoạt động du lịch.

Hai chương cuối trình bày cụ thể một số phương pháp đánh giá tài nguyên du lịch như phương pháp đánh giá định tính và phương pháp đánh giá định lượng: Các nguyên tắc cơ bản, qui trình, nội dung tiến hành các bước nghiên cứu, đánh giá. Nắm được những cơ sở đó, người học có thể tiến hành các công trình nghiên cứu, đánh giá tài nguyên du lịch trên một địa bàn cụ thể.

Học phần giảng dạy kiến thức về khái niệm, thuộc tính và phân loại tài nguyên du lịch. Giải thích khái niệm, chức năng và quy trình của phương pháp đánh giá tài nguyên du lịch. Giải thích mục đích và quy trình phương pháp đánh giá định tính và phương pháp đánh giá định lượng.

Học phần rèn luyện các kỹ năng xác định các chỉ tiêu và tiêu chí của đối tượng đánh giá. Phân tích và nhận diện được các thuộc tính của tài nguyên du lịch, mối quan hệ tương quan giữa tài nguyên du lịch với tình hình khai thác sử dụng và với nhu cầu du lịch. Thiết lập các mô hình và sử dụng phần mềm SPSS để lượng hóa các chỉ tiêu đánh giá và giá trị của tài nguyên du lịch. Hình thành được phương pháp làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp với các cá nhân, tổ chức trong quá trình điều tra thực tiễn.

Học phần hình thành ý thức tôn trọng tính khách quan, tính chính xác trong việc điều tra, thu thập thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu. Nhận thức được vai trò của tài nguyên du lịch đối với phát triển du lịch và có trách nhiệm trong việc khai thác sử dụng, bảo vệ tài nguyên du lịch.

### **Truyền thông Marketing tích hợp (3,0)**

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về truyền thông marketing tích hợp như tiếp thị và truyền thông, quá trình truyền thông, quá trình ra quyết định tiêu dùng, truyền thông theo phân khúc và định vị thị trường, thiết lập mục tiêu và ngân

sách truyền thông; Các công cụ truyền thông tích hợp như marketing trực tiếp, quan hệ công chúng, khuyến mãi, quảng cáo và đánh giá hiệu quả các công cụ này.

Học phần giảng dạy các kiến thức liên quan môi trường và chiến lược truyền thông Marketing tích hợp, cách thức xây dựng, chuẩn bị tổ chức và ra quyết định; Phân tích được mối quan hệ giữa các nhân tố xã hội, phương thức truyền thông tiếp thị và quá trình ra quyết định của người tiêu dùng; Phân tích được mối quan hệ giữa truyền thông tiếp thị và phân khúc, định vị thị trường để thiết lập các mục tiêu và ngân sách một cách hiệu quả; Sử dụng được các công cụ bán hàng trực tiếp, marketing trực tiếp, chiêu thị, quảng cáo, khuyến mãi một cách hiệu quả.

Học phần rèn luyện học viên có khả năng xây dựng quản lý và đánh giá các nỗ lực triển khai chương trình truyền thông tích hợp và qui trình và sử dụng các công cụ trong các môi trường kinh doanh cụ thể; Có kỹ năng phân tích về môi trường kinh doanh, hành vi khách hàng, trách nhiệm xã hội và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; Đánh giá được ý tưởng của doanh nghiệp và/hoặc cá nhân; Có khả năng thẩm định, đánh giá hiệu quả, các yếu tố tác động đối với truyền thông tiếp thị tích hợp.

Học phần hình thành tinh thần làm chủ cho học viên gắn liền lý thuyết và thực tiễn kinh doanh của các doanh nghiệp. Xây dựng và phát triển tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cho người học, giúp người học chủ động với công việc. Tạo cho người học nhận thức được về vị trí và khả năng của đất nước, cũng như khơi dậy truyền thống yêu nước, từ đó giúp người học tạo dựng và phát triển ý trí làm giàu cho bản thân và cho xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước.

### **Tư vấn du lịch (3,0)**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về tư vấn du lịch. Trên cơ sở những kiến thức nền tảng này, học phần cung cấp những kiến thức tư vấn du lịch đối với từng chủ thể của hoạt động du lịch như chính quyền, doanh nghiệp lữ hành, khách sạn, cơ sở đào tạo, nghiên cứu.

Học phần giảng dạy các kiến thức về chức năng và mô hình quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch như những lý thuyết liên quan, đặc điểm của dịch vụ và thương mại dịch vụ du lịch; chức năng quản trị và các mô hình kinh doanh dịch vụ du lịch; Áp dụng các kiến thức về tư vấn các nguồn lực kinh doanh dịch vụ du lịch; tư vấn về nguồn lao động du lịch; nguồn vốn, và cơ sở vật chất kỹ thuật trong kinh doanh dịch vụ du lịch; Áp dụng kiến thức về tư vấn cầu gồm các đặc điểm về cầu, sự phát triển nhu cầu và hàng chờ; tư vấn quá trình

cung ứng, đặc điểm cung ứng, quá trình cung ứng, khả năng, chất lượng dịch vụ, hệ thống phân phối dịch vụ du lịch.

Học phần rèn luyện các kỹ năng quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch, thích ứng sự thay đổi của bối cảnh một cách linh hoạt, sáng tạo; kỹ năng quản lý nhóm, tư duy phản biện, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, triển khai một cách hiệu quả, chuyển đổi số trong ngành du lịch.

Học phần hình thành nên phẩm chất của người làm du lịch, giảng dạy, nghiên cứu, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

### **Quy hoạch du lịch (3,0)**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về kinh doanh lữ hành và các vấn đề quản lý vĩ mô trong hoạt động kinh doanh lữ hành; các vấn đề trọng tâm trong việc khởi sự doanh nghiệp lữ hành. Đồng thời học phần cung cấp cho người học những kiến thức về kinh doanh lữ hành trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế cũng như các mô hình kinh doanh lữ hành tiên tiến trên thế giới.

Học phần giảng dạy các kiến thức về quan niệm về vùng, quy hoạch vùng, nội dung quy hoạch du lịch quốc gia, và vùng và kết quả quy hoạch quốc gia.

Học phần rèn luyện cho học viên kỹ năng về điều hành, quản trị trong doanh nghiệp, kỹ năng phân tích, đánh giá, xây dựng chiến lược và kinh doanh, kỹ năng làm việc nhóm giúp học viên ứng dụng tốt vào môi trường thực tiễn.

Học phần hình thành nên phẩm chất của người làm du lịch, giảng dạy, nghiên cứu, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

### **Marketing điểm đến du lịch (3,0)**

Học phần trang bị cho học viên những khái niệm cơ bản về marketing, điểm đến du lịch và marketing điểm đến du lịch; Phân tích các yếu tố của môi trường vĩ mô và môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của điểm đến du lịch, đến hoạt động marketing của điểm đến du lịch; học phần còn đề cập đến những nội dung chính của công tác quản lý điểm đến du lịch, đến hoạt động marketing của một điểm đến du lịch như lựa chọn mục tiêu chiến lược, phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu và marketing hỗn hợp cho hoạt động marketing của điểm đến du lịch.

Học phần giảng dạy những khái niệm cơ bản về marketing, điểm đến du lịch và marketing điểm đến du lịch; phân tích các yếu tố của môi trường vĩ mô, môi trường kinh

doanh, công tác quản lý du lịch; mục tiêu chiến lược, lựa chọn thị trường mục tiêu, marketing hỗn hợp cho hoạt động du lịch.

Học phần rèn luyện cho học viên kỹ năng về điều hành, quản trị trong doanh nghiệp, kỹ năng phân tích, đánh giá, xây dựng chiến lược marketing điểm đến, phân biệt với các cách thức marketing khác trong ngành du lịch; kỹ năng làm việc nhóm giúp học viên ứng dụng tốt vào môi trường thực tiễn.

Học phần hình thành nên phẩm chất của người làm du lịch, giảng dạy, nghiên cứu, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

### **Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp du lịch (3,0)**

Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao một cách hệ thống về bản chất và vai trò của đạo đức và văn hóa kinh doanh trong các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường kinh doanh năng động. Học phần không chỉ đề cập tới những văn hóa và đạo đức kinh doanh mà còn được phân tích trong mối liên hệ với các hoạt động và các vấn đề quan trọng khác trong quản trị doanh nghiệp.

Học phần giảng dạy kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh và văn hoá kinh doanh. Các nhân tố văn hoá, đạo đức trong hoạt động kinh tế, kinh doanh.

Học phần rèn luyện cho học viên kỹ năng phân tích và xử lý tình huống trong hoạt động kinh doanh. Áp dụng được đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp, trong nền kinh tế thị trường. Học phần hình thành nên phẩm chất của người làm du lịch, giảng dạy, nghiên cứu, có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

### **Quản trị rủi ro trong ngành Du lịch 3 (2,1,0)**

Học phần trang bị cho học viên kiến thức rủi ro bất trắc có thể đo lường được và những rủi ro là sự bất trắc có liên quan đến việc xuất hiện những biết cố không mong đợi; Học phần cung cấp cho người học những biến động tiềm ẩn của rủi ro, dự đoán kết quả rủi ro, sự hiện diện của rủi ro gây nên bất định cũng như nguy cơ dẫn đến rủi ro phát sinh bất cứ lúc nào trong hoạt động du lịch.

### **Thiết kế nghiên cứu khoa học Du lịch (2,1,1,0)**

Học phần trang bị cho người học một cấu trúc tổng quan cụ thể để thực hiện và hoàn thành một dự án/nghiên cứu khoa học. Giúp người học thiết kế một bản kế hoạch chi tiết của các phương pháp nghiên cứu đã chọn. Giúp người học cụ thể hoá các bước thực hiện dự án nghiên cứu. Giúp người học đảm bảo thu thập thông tin trong quá trình nghiên cứu có thể trả lời được các câu hỏi hoặc vấn đề đặt ra ban đầu. Người học biết thiết kế nghiên cứu bao

gồm những phương pháp, thu thập và phân phối mẫu, thu thập và phân tích dữ liệu, các thủ tục và công cụ được sử dụng.

#### **Chuyên đề nghiên cứu 1 4 (0,4,0)**

Học phần này dành cho người học chọn định hướng nghiên cứu. Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức thiết kế nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận để thực hiện một báo cáo nghiên cứu. Người học được hướng dẫn chọn một đề tài nghiên cứu cụ thể để lên một thiết kế nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận một vấn đề nghiên cứu. Người học trình bày và công bố được một đề án nghiên cứu cụ thể.

#### **Chuyển đổi số trong ngành Du lịch 4 (3,1,0)**

Học phần cung cấp Chuyển đổi số là một quá trình lâu dài và là một xu thế, đóng vai trò quan trọng trong các vấn đề phát triển bền vững, đồng thời giúp cải thiện năng suất lao động, cũng như tăng cường khả năng kết nối trong cuộc cách mạng 4.0. Vì vậy, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, chủ động đáp ứng nhu cầu đặc thù, chuyên biệt của thị trường khách du lịch, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối hiệu quả với các chủ thể liên quan, tạo môi trường cho cộng đồng, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đáp ứng yêu cầu về đổi mới phương thức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam. Học phần cung cấp người học hiểu về chuyển đổi số trong ngành Du lịch là gì. Vai trò của chuyển đổi số trong du lịch. Thực trạng và các xu hướng phát triển của chuyển đổi du lịch số trong ngành Du lịch.

#### **Thiết kế module và tập huấn nghiệp vụ du lịch 3 (2,1,0)**

Học phần cung cấp cho người học khi một module được xây dựng, các đầu vào và đầu ra được kết nối. Người học được thiết kế nội dung, kịch bản sự phạm, lập trình thẩm định module. Rèn luyện năng lực thiết kế module phục vụ cho tập huấn nghiệp vụ du lịch. Học viên được hướng dẫn thiết kế một khoá học hiệu quả; Triển khai và quản lý tập huấn nghiệp vụ du lịch xuống địa phương; Kinh nghiệm và bài học...

#### **Chuyên đề nghiên cứu 2 4 (0,5,0)**

Học phần này dành cho người học chọn định hướng nghiên cứu. Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức thiết kế nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận để thực hiện một báo cáo nghiên cứu. Người học được hướng dẫn chọn một đề tài nghiên cứu cụ thể để lên một thiết kế nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên

cứu và cách tiếp cận một vấn đề nghiên cứu. Người học trình bày và công bố được một đề án nghiên cứu cụ thể.

### **Luận văn thạc sĩ 15 (0,15,0)**

Luận văn của hướng nghiên cứu (15 tín chỉ) là một công trình nghiên cứu hàn lâm (academic research) nhằm giải quyết một vấn đề nghiên cứu, một “khoảng trống nghiên cứu” (research gap), không nhất thiết là một vấn đề thực tiễn nóng hổi nào đó. Luận văn hướng nghiên cứu giúp người học biết sử dụng các phương pháp nghiên cứu hàn lâm chuẩn tắc như phương pháp định tính (qualitative methods), phương pháp định lượng (quantitative methods) hoặc kết hợp 2 phương pháp trên. Dữ liệu có thể là thứ cấp, cũng có thể là sơ cấp hình thành từ khảo sát điều tra.

### **Thực tập 9 (0,9,0)**

Học phần Thực tập giúp người học có thêm kinh nghiệm và sự kết nối rộng lớn hơn. Học viên có thể đi thăm điển hình kinh doanh hay điển hình quản trị doanh nghiệp, điển hình quản lý địa phương, sau đó sử dụng phương pháp phân tích tình huống để thu hoạch hay báo cáo cuối môn học.

### **Đồ án tốt nghiệp 9 (0,9,0)**

Học viên cần vận dụng các phương pháp nghiên cứu đã học trong chương trình để giải quyết vấn đề. Các phương pháp thường sử dụng là các phương pháp nghiên cứu thị trường (market research), nghiên cứu tình huống điển hình (case study), giải quyết vấn đề kinh doanh (problem solving), các công cụ thống kê mô tả (descriptive statistics). Các phương pháp nghiên cứu hàn lâm của hướng nghiên cứu kể trên có thể được sử dụng nhưng không phải là một bắt buộc. Dữ liệu chủ yếu là thứ cấp lấy từ công ty, tổ chức, địa phương... để thực hiện một nghiên cứu để giải quyết một vấn đề thực tiễn. Thường là những vấn đề đang phát sinh trong thực tiễn, đang là thực tiễn “nóng hổi” mà học viên phát hiện trong doanh nghiệp, tổ chức của mình, trên địa bàn địa phương của mình hoặc trên thị trường trong nước và quốc tế.

#### IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

Bảng đối sánh khung của các chương trình đối sánh trong nước

| Nội dung so sánh                                     | NNTU      | USSH     | USSH<br>VNUHCM | HUHT      | Nhận xét                                                                                                                                                             |
|------------------------------------------------------|-----------|----------|----------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tổng số tín chỉ                                      | 60        | 50       | 60             | 61        | Tổng số tín chỉ CTĐT giữa NTTU với USSH bằng nhau, so với trường USSH VNUHCM thì NTTU thấp hơn 10 tín chỉ và thấp hơn HUHT 1 tín chỉ.                                |
| <b>Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)</b> |           |          |                |           |                                                                                                                                                                      |
| Khối kiến thức chung                                 | 6         | 7        | 8              | 4         | Tên học phần giống nhau, số tín chỉ khác nhau giữa các Trường, ĐH NTT đang thấp thứ 2 sau HUHT, vì HUHT không tính Tiếng Anh.                                        |
| Khối kiến thức cơ sở, chuyên ngành                   | BB: 16    | BB: 20   | BB: 16         | BB: 43    | NTTU đang có số tín chỉ cao hơn (39 TC) so với ĐH USSH VNUHCM, trường USSH nhưng thấp hơn HUHT. Trong đó, số TC tự chọn ĐH NTT cũng cao hơn so với 3 Trường còn lại. |
|                                                      | TC: 23/38 | TC: 9/24 | TC: 20/40      | TC: 18/36 |                                                                                                                                                                      |
| Luyện văn                                            | 15        | 13       | 20             | 12        | NTTU và trường USSH trong phạm vi cho phép của Quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, riêng USSH VNUHCM, cao hơn 5TC.                                                         |
| Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo               | -         | -        | -              | -         | Cả 4 Trường đều không có chuyên ngành hẹp.                                                                                                                           |

|                               |               |   |   |   |                                                                                                           |
|-------------------------------|---------------|---|---|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Phương pháp giảng dạy/học tập |               |   |   |   | Các phương pháp giảng dạy sử dụng gần như nhau xem người học là trung tâm nhằm phát triển khả năng tự học |
| Học kỳ                        | 4             | 4 | 4 | 4 | Các Trường có phân bố học kỳ học như nhau.                                                                |
| Học phí                       | Không so sánh |   |   |   |                                                                                                           |

**Bảng đối sánh khung của các chương trình đối sánh quốc tế**

| Phương diện đối sánh     | Tiêu chuẩn đối sánh                                                                                      | NTTU                                                                                                                              | Master of Tourism, University of Otago (New Zealand))                                                                     | Master of Tourism Management, Colorado State University (Hoa Kỳ)                                                                     | Bài học rút ra để cải tiến                                                                            |
|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Khối lượng học tập    | Số tín chỉ                                                                                               | 60 tín chỉ                                                                                                                        | 260 points                                                                                                                | Ít nhất 30 tín chỉ                                                                                                                   | Không tương đồng                                                                                      |
| 2. Thời gian học tập     | Số học kỳ và số năm học                                                                                  | 18-24 tháng                                                                                                                       | 12 tháng (toàn thời gian)<br>4 năm (bán thời gian)                                                                        | 9 tháng                                                                                                                              | Không tương đồng                                                                                      |
| 3. Cấu trúc chương trình | Số block/nhóm môn học trong chương trình (kể tên cụ thể mỗi block/nhóm và số tín chỉ của mỗi block/nhóm) | Kiến thức chung: 6 tín chỉ<br>Cơ sở ngành: 13 tín chỉ<br>Kiến thức chuyên ngành trong đó 6 tín chỉ bắt buộc và 17 tín chỉ tự chọn | Block bắt buộc: TOUR 423 Advanced Tourism Concepts, TOUR 424 Tourism Methods and Analysis, TOUR 590 Research Dissertation | Block 1: NRRT 600, NRRT 610, NRRT 620, NRRT 679A<br>Block 2: NRRT 615, NRRT 655, NRRT 650, Directed Elective 1<br>Block 3: NRRT 601, | Các trường đều có các khối kiến thức đại cương, cơ sở và chuyên ngành. Tuy nhiên tùy vào CDR của từng |

|                                 |                       |                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                             |                                                 |
|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|                                 |                       |                                                               | Block tự chọn (chọn 4 môn): TOUR 411 Tourist Culture, TOUR 416 Tourism Entrepreneurship and Business, TOUR 418 Tourism Destination Development, TOUR 420 Special Topic, TOUR 421 Special Topic: Global Hospitality Operations, TOUR 422 Tourism and Global Environmental Change, TOUR 426 Event Management, TOUR 427 Tourism and Development and Ethnographic Field School | NRRT 662, NRRT 671, NRRT 679B<br>Block 4: NRRT 602, NRRT 625, NRRT 660, Directed Elective 2 | trường và có khối kiến thức tương ứng theo CDR. |
| <b>4. Nội dung chương trình</b> | Các môn học đại cương | Kiến thức chung: 6 tín chỉ (Triết học: 3 TC; Tiếng Anh: 3 TC) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | NRRT 600                                                                                    |                                                 |
|                                 | Các môn học cơ sở     | Cơ sở ngành: 13 tín chỉ                                       | TOUR 423 Advanced                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | NRRT 601                                                                                    |                                                 |
|                                 |                       |                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                             |                                                 |

|                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                            |                                  |  |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--|
|                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | (Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch 4TC; Quản lý nhà nước về du lịch 3 TC; Chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch 3 TC; Văn hoá quản lý và kinh doanh du lịch 3TC).                                                                                                                                           | Tourism Concepts                                                                                                           | NRRT 602                         |  |
| Các môn học chuyên ngành | Kiến thức chuyên ngành trong đó 6 tín chỉ bắt buộc và 17 tín chỉ tự chọn<br>Bắt buộc (Phát triển du lịch bền vững; Chuyên đổi số trong ngành Du lịch)<br>Tự chọn: Quản trị nguồn nhân lực du lịch; Quản lý khách sạn hiện đại; Kinh tế phát triển; Di sản văn hoá trong du lịch; quản lý rủi ro trong ngành du lịch; Quản trị lễ hội và sự kiện du lịch; Quản lý lữ hành; Đánh giá tài nguyên du lịch; Quy | TOUR 424 Tourism Methods and Analysis, TOUR 411 Tourist Culture, TOUR 416 Tourism Entrepreneurship and Business, TOUR 418 Tourism Destination Development, TOUR 420 Special Topic, TOUR 421 Special Topic: Global Hospitality Operations, TOUR 422 Tourism and Global Environmental Change, TOUR 426 Event Management, | NRRT 610, NRRT 615, NRRT 620, NRRT 625, NRRT 650, NRRT 655, NRRT 660, NRRT 662, NRRT 671, NRRT 679-A-B, Directed Electives | Cầu trúc môn học gần tương đương |  |

|                          |                                 |                                                                                                                                                                                        |                                                            |          |                                                                       |
|--------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------|
|                          |                                 | hoạch du lịch; Marketing điểm đến du lịch; Tư vấn du lịch; Truyền thông Marketing tổng hợp; Thiết kế module và tập huấn nghiệp vụ du lịch; Đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp) | TOUR 427 Tourism and Development Ethnographic Field School |          |                                                                       |
|                          | Các môn học chuyên sâu (nếu có) |                                                                                                                                                                                        |                                                            |          | không                                                                 |
|                          | Trải nghiệm thực tiễn           | Thực tập 9 tín chỉ (hướng quản lý du lịch)                                                                                                                                             |                                                            |          |                                                                       |
|                          | Học phần tốt nghiệp             | Học phần tốt nghiệp: Hướng nghiên cứu: Luận văn tốt nghiệp 15 tín chỉ; Hướng ứng dụng: đề án tốt nghiệp 9 tín chỉ)                                                                     | TOUR 590 Research Dissertation                             |          | NTTU có tách học phần tốt nghiệp theo 2 hướng nghiên cứu và ứng dụng. |
| <b>5. Tính linh hoạt</b> | Học phần bắt buộc               | 25                                                                                                                                                                                     | 3                                                          | 14       |                                                                       |
|                          | Học phần tự chọn                | 17                                                                                                                                                                                     | 4                                                          | 2        |                                                                       |
| <b>6. Chuyên ngành</b>   | Số ngành/chuyên sâu và tên      | Không có                                                                                                                                                                               | Không có                                                   | Không có |                                                                       |

## **V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Hình thức tổ chức giảng dạy**

#### *1.1. Đối với các đơn vị đào tạo*

- Phải nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần.

#### *1.2. Đối với giảng viên*

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy các học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho học viên trước một tuần để học viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

#### *1.3. Đối với học viên*

- Người học chọn định hướng nghiên cứu phải đảm bảo 24 tín chỉ nghiên cứu khoa học; Người học chọn định hướng ứng dụng phải đảm bảo 9 tín chỉ thực tập và làm đồ án tổ nghiệp.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Học viên tự nghiên cứu thông qua giáo trình tài liệu tham khảo hoặc qua Internet.
- Tự học là yêu cầu bắt buộc, mỗi môn học ngoài thời lượng chuẩn quy định, học viên phải dành thời lượng tương tự cho từng môn để tự học.
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm luận văn/ đề án.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá học phần.

## 2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Điểm chấm theo thang điểm 10.

Hình thức kiểm tra, đánh giá được thể hiện cụ thể trong mỗi đề cương chi tiết.

## 3. Mô tả thêm các hướng dẫn khác do các đơn vị đào tạo, ngành đào tạo yêu cầu

Luận văn/ đề án của chương trình theo định hướng ứng dụng là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

Luận văn/ đề án phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

Luận văn/ đề án phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn/ đề án phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

Luận văn/ đề án được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

## 4. Yêu cầu về Cơ sở vật chất: phòng học có máy chiếu, phòng máy vi tính, phòng máy tính, các điều kiện cơ sở vật khác phục vụ nhu cầu dạy và học.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Phước Hiền